TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2020/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 13 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 07/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Bản N 3, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Nơi công tác: Trường tiểu học N số 1, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh Trần Văn Q (tên gọi khác: Trần Hồng Q), sinh năm 1972;

Địa chỉ: Bản N 3, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Nơi công tác: Đội sản xuất và xây dựng cơ sở chính trị số 8 - Đoàn kinh tế, quốc phòng 379.

Căn cứ Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn Q (tên gọi khác: Trần Hồng Q).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn Q thuận tình ly hôn.

- **Về nuôi con chung**: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn Q có 02 con chung chưa thành niên là cháu Trần Thế C, sinh ngày 12/11/2004 và cháu Trần Huyền D, sinh ngày 20/8/2009. Chị T và anh Q thỏa thuận, anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thế C, sinh ngày 12/11/2004 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Huyền D, sinh ngày 20/8/2009 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị T và anh Q không đề nghị giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- **Về tài sản chung, nợ chung**: Chị T và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí**: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Điện Biên theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2010/08406 ngày 03 tháng 01 năm 2020. Chị T được hoàn trả lại 150.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã N, huyện N;
(Nơi đăng ký kết hôn)
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

Nguyễn Mạnh Huấn